

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH BẢO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST

Ngày 16-9-2019

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Đức Vịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Khanh

Bà Nguyễn Thị Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Th; nơi cư trú: Thôn ChTr, xã TĐ, huyện VB, thành phố Hải Phòng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc H; nơi cư trú: Thôn ChTr, xã TĐ, huyện VB, thành phố Hải Phòng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 2 năm 2019, tại bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn là chị Phạm Thị Th trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quốc H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải

Phòng từ ngày 31 tháng 8 năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và xô xát với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân đến nay được 01 năm nay, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Nguyễn Quốc V, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2010. Hiện con chung vẫn do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07 tháng 8 năm 2019 và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Quốc H trình bày:

Anh xác nhận về thời điểm kết hôn, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như nội dung chị Th trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, lối sống, bất đồng về tính cách, nên chị Th đã bỏ về gia đình nhà mẹ đẻ sinh sống. Anh đã đến tìm chị Th về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Th kiên quyết không quay về chung sống với anh. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh và chị Th có 01 con chung là Nguyễn Quốc V, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2010. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 10 tháng 5 năm 2019, cháu Nguyễn Quốc V trình bày: Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn cháu V có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Nguyện vọng của cháu là tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền

đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử xét những nội dung sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

+ Về con chung: Đề nghị giao con chung là Nguyễn Quốc V, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2010, cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận nên không đặt ra để giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh H không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

+ Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Th phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1] Đây là vụ án về ly hôn và tranh chấp nuôi con chung giữa nguyên đơn là chị Phạm Thị Th và bị đơn là anh Nguyễn Quốc H có nơi cư trú tại thôn Chanh Trên, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đều có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, có bản tự khai và tham gia đầy đủ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Như vậy, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn là anh Nguyễn Quốc H đã nhận được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án về việc thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc giao nộp

chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Huy đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Nên, anh H không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vi phạm này không ảnh hưởng đến kết quả vụ án. Anh H đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Quốc H.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Th và anh Nguyễn Quốc H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng từ ngày 31 tháng 8 năm 2010. Như vậy, hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và xô xát với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân được hơn 01 năm nay, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, chị Th xin ly hôn, anh H đồng ý vì anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Th xin ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

[5] Về con chung: Chị Th và anh H có 01 con chung là Nguyễn Quốc V, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2010. Chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh H cũng đồng ý giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, chị Th có việc làm và có thu nhập, con chung có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Nên, việc giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với thực tế về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị Th và phù hợp với nguyện vọng của con chung được ở với mẹ và để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con chung. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị Th. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Th và anh H xin tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh H xin tự thỏa thuận nên không xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Th phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và các điều 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Quốc V, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2010, cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận nên không xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Th đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0001369 ngày 18 tháng 3 năm 2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Chị Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Th và anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THA DS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Đức Vịnh**